TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
Phòng Khảo thí & ĐBCL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ II - Đợt 2 lần 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học/Nhóm **Logic học đại cương** **Số tín chỉ: 2**
Ngày thi: 20/9/2017 Ca thi: 1
Lớp:

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	165D1402010002	Bùi Thị Kim	Anh	DC16GMN01	**3,0**	Ba.	
2	165D1402010004	Trần Thị	Bông	DC16GMN01	**5,5**	Năm phẩy năm mươi.	
3	165D1402010009	Huỳnh Thị	Diễm	DC16GMN01	**5,5**	Năm phẩy năm mươi.	
4	165D1402010015	Nguyễn Vũ Hồng	Điệp	DC16GMN01	**5,5**	Năm phẩy năm mươi.	
5	165D1402010011	Vương Thị Thúy	Diệu	DC16GMN01	**5,0**	Năm.	
6	165D1402010017	Đỗ Thị Xuân	Đông	DC16GMN01	**5,5**	Năm phẩy năm mươi.	
7	165D1402010018	Lê Hạ	Đông	DC16GMN01	**3,0**	Ba.	
8	165D1402010012	Nguyễn Thị Thùy	Dung	DC16GMN01	**4,5**	Bốn phẩy năm mươi.	
9	165D1402010013	Hà Thị Mỹ	Duyên	DC16GMN01	**5,5**	Năm phẩy năm mươi.	
10	165D1402010014	Nguyễn Thị Khánh	Duyên	DC16GMN01	**4,0**	Bốn.	
11	165D1402010020	Trương Thị	Hà	DC16GMN01	**4,5**	Bốn phẩy năm mươi.	
12	165D1402010024	Nguyễn Hồng	Hạnh	DC16GMN01	**4,0**	Bốn.	
13	165D1402010027	Trần Thị Ngọc	Hiền	DC16GMN01	**4,5**	Bốn phẩy năm mươi.	
14	145D1402010029	Hoàng Thị	Hoan	DC14GMN01	**0,0**	Không.	Vắng thi
15	165D1402010031	Nguyễn Thị Lan	Hương	DC16GMN01	**0,0**	Không.	Vắng thi
16	165D1402010038	Nguyễn Thị ái	Linh	DC16GMN01	**6,5**	Sáu phẩy năm mươi.	
17	165D1402010041	Nguyễn Thị Mỹ	Loan	DC16GMN01	**5,0**	Năm.	
18	165D1402010042	Huỳnh Thị Hiền	Lương	DC16GMN01	**6,5**	Sáu phẩy năm mươi.	
19	165D1402010044	Huỳnh Thị Họa	Mi	DC16GMN01	**3,0**	Ba.	
20	165D1402010045	Nguyễn Lê Trà	My	DC16GMN01	**5,5**	Năm phẩy năm mươi.	
21	165D1402010048	Võ Thị Thu	Ngân	DC16GMN01	**6,0**	Sáu.	
22	165D1402010049	Trần Thị Mỹ	Ngọc	DC16GMN01	**7,5**	Bảy phẩy năm mươi.	
23	165D1402010050	Tăng Thị Thảo	Nguyên	DC16GMN01	**5,5**	Năm phẩy năm mươi.	
24	165D1402010051	Cao Thị ánh	Nguyệt	DC16GMN01	**0,0**	Không.	Vắng thi
25	165D1402010054	Nguyễn Thị	Nở	DC16GMN01	**3,0**	Ba.	
26	165D1402010055	Đặng Hoàng	Phố	DC16GMN01	**5,5**	Năm phẩy năm mươi.	
27	165D1402010056	Phan Thị Bích	Phong	DC16GMN01	**7,0**	Bảy.	
28	165D1402010060	Lê Thị Thanh	Quyến	DC16GMN01	**0,0**	Không.	Vắng thi
29	165D1402010061	Đỗ Thúy	Quỳnh	DC16GMN01	**6,0**	Sáu.	
30	165D1402010063	Trần Thị Bích	Sao	DC16GMN01	**8,0**	Tám.	
31	165D1402010067	Nguyễn Châu	Thắm	DC16GMN01	**6,0**	Sáu.	
32	165D1402010069	Lâm Thị Thu	Thảo	DC16GMN01	**7,0**	Bảy.	
33	165D1402010071	Phạm Thị Phương	Thảo	DC16GMN01	**8,5**	Tám phẩy năm mươi.	
34	165D1402010074	Lê Thị Kim	Thoa	DC16GMN01	**7,0**	Bảy.	
35	165D1402010075	Nguyễn Thị Lê	Thoa	DC16GMN01	**6,0**	Sáu.	
36	165D1402010076	Nguyễn Thị Anh	Thư	DC16GMN01	**7,0**	Bảy.	
37	165D1402010078	Nguyễn Thị Thu	Thúy	DC16GMN01	**5,5**	Năm phẩy năm mươi.	
38	165D1402010077	Bùi Thị Thu	Thủy	DC16GMN01	**0,0**	Không.	Vắng thi
39	165D1402010081	Lê Tú	Trâm	DC16GMN01	**4,5**	Bốn phẩy năm mươi.	
40	165D1402010083	Phan Thị Thùy	Trang	DC16GMN01	**0,0**	Không.	Vắng thi
41	165D1402010084	Trần Thị Huyền	Trang	DC16GMN01	**7,5**	Bảy phẩy năm mươi.	

42	165D1402010100	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	DC16GMN01	**7,0**	Bảy.	
43	165D1402010088	Trương Thị Bích	Tuyền	DC16GMN01	**6,0**	Sáu.	
44	165D1402010089	Võ Thị Thanh	Tuyền	DC16GMN01	**0,0**	Không.	Vắng thi
45	165D1402010090	Lê Thị Ngọc	Tuyết	DC16GMN01	**6,5**	Sáu phẩy năm mươi.	
46	165D1402010091	Đặng Thị Thanh	Ty	DC16GMN01	**0,0**	Không.	Vắng thi
47	165D1402010094	Lê Thị Thúy	Vi	DC16GMN01	**8,5**	Tám phẩy năm mươi.	
48	165D1402010096	Nguyễn Thị Tường	Vi	DC16GMN01	**0,0**	Không.	Vắng thi
49	165D1402010097	Trần Thị Kim	Vi	DC16GMN01	**6,5**	Sáu phẩy năm mươi.	

Phú Yên, Ngày 03 tháng 10 năm 2017

PTP.Phòng Khảo thí & ĐBCL **Người nhập điểm**

Huỳnh Minh Giảng **Trần Thi Thanh Tâm**